

Số:39/2022/QĐST-HNGĐ

Ph, ngày 18 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ V, TỈNH T

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 39/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Trần Thị Thanh, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn Kê V, xã Vinh X, huyện P, tỉnh T.

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn Kê V, xã Vinh X, huyện Phú V, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn T thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai đương sự thỏa thuận giao con Nguyễn Trần Ti N, sinh ngày 28/5/2014 cho chị Trần Thị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Mỗi tháng anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi Quyết định ly hôn có hiệu lực cho đến khi con Nguyễn Trần Ti N trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Tuấn chưa thanh toán thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không có.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ tại biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0001615 ngày 24/3/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phú V.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện Phú V;
- Chi cục THADS huyện Phú V;
- UBND xã Vinh X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Vân